TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2021
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa bà Anh với ông Đăng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Pép Êban;

2. Bà Đinh Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk *không tham gia phiên tòa:* (Theo văn bản số 954/CV-VKS-DS ngày 01/9/2021)

Ngày 28/9/2021, tại phòng xử án B, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2021, về "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Kim Phát, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk*, có mặt.*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Kim Phát, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A trình bày nội dung như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Nguyễn Hải Đ là vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn hai người sống chung với nhau tại thôn Kim Phát, xã H cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống, tính cách hai người không hợp nhau, ông Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Nay bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không muốn tiếp tục sống chung với ông Đ nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Đ. Đối với giấy chứng nhận kết hôn bản chính do thời gian đã lâu nên bị thất lạc và đã được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận sự việc kết hôn tại trích lục kết hôn số 242/TLKH-BS ngày 11/6/2019.

- Về con chung: Bà A xác định quá trình chung sống bà với ông Đ có 04 con chung là Nguyễn Trường Đ, sinh ngày 05/11/1998; Nguyễn Trường G, sinh ngày 28/10/1999; Nguyễn Hà Dung Ngọc B, sinh ngày 11/5/2001 và Nguyễn Mạnh Đ, sinh ngày 01/8/2002. Hiện tại các con chung đều đã đủ tuổi thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại địa phương bà A không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo hay gia đình chính sách gì.

*** Đối với bị đơn ông Nguyễn Hải Đ:** Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo và triệu tập hợp lệ cho ông Đăng để tham gia tố tụng nhưng ông Đăng đều vắng mặt, không có ý kiến phản hồi gì và vắng mặt tại các phiên tòa. Xác minh tại chính quyền địa phương được cung cấp có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1982 là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/7/2005 trên cơ sở tự nguyện. Hiện tại hai người đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Kim Phát, xã H và đang phát sinh nhiều mẫu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Ông Đ không có nghề nghiệp ổn định, không quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu say xỉn, dẫn đến hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà A với ông Đ có 04 con chung là Nguyễn Trường Đ, sinh ngày 05/11/1998; Nguyễn Trường G, sinh ngày 28/10/1999; Nguyễn Hà Dung Ngọc B, sinh ngày 11/5/2001 và Nguyễn Mạnh Đ, sinh ngày 01/8/2002. Hiện tại các con chung đều đã đủ tuổi thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Nguyễn Hải Đ đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo các văn bản và triệu tập tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần hai ông Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do, vi phạm quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng Dân sự. Do đó căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Nguyễn Hải Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/7/2005 là đúng thực tế vì quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn xuất trình và cung cấp giấy trích lục kết hôn do chính quyền địa phương xác nhận. Mặt khác chính quyền địa phương cũng xác nhận sự việc này tại biên bản xác minh ngày 12/8/2021. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người sống chung với nhau tại thôn Kim Phát, xã H đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai người không hợp nhau, ông Đ không quan tâm cuộc sống gia đình, vợ con, nghề nghiệp thì không ổn định, làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc như trước đây. Do đó bà A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đăng là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Quá trình giải quyết việc tranh chấp, Tòa án đã phân tích, hòa giải để bà Anh về đoàn tụ gia đình nhưng bà A vẫn không thay đổi, kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn. Còn đối với ông Đ không tham gia tố tụng nhưng cũng không có ý kiến phản hồi gì về việc bà A khởi kiện ly hôn và cũng không thể hiện thiện chí của sự níu kéo, động viên, khuyên bảo bà A thay đổi, vắng mặt tại các phiên tòa. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, bà A và ông Đ vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ A, giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ.

[3.2] Về con chung: Bà A xác định quá trình chung sống bà với ông Đ có 04 con chung là Nguyễn Trường Đ, sinh ngày 05/11/1998; Nguyễn Trường G, sinh ngày 28/10/1999; Nguyễn Hà Dung Ngọc B, sinh ngày 11/5/2001 và Nguyễn Mạnh Đ, sinh ngày 01/8/2002 là có căn cứ vì chính quyền địa phương cũng đã xác nhận sự việc này tại biên bản xác minh ngày 12/8/2021 và những thông tin trên các tài liệu, chứng cứ mà đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án. Hiện tại các con chung đã đủ tuổi thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ A là người nộp đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000

đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 60AA/2021/0001856 ngày 24/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 228; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58 luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí của Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Anh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ A được ly hôn ông Nguyễn Hải Đ.

2. Về con chung: Các con chung đã đủ tuổi thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí và tạm ứng án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 60AA/2021/0001856 ngày 24/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bà Anh đã nộp xong tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Văn Công Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Văn Công Cường